

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan

Ông Phan Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Vĩnh Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Á, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Bị đơn Anh Nông Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Á, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U kết hôn với anh Nông Văn T vào đầu năm 2011, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Nông Văn T không tu chí làm ăn để cùng chị nuôi dạy các con, thường hay chơi bời, tụ tập bạn bè, còn sử dụng ma túy, hiện nay đã nghiện ma túy, quá trình chung sống anh T nhiều lần xin tiền chị, nếu chị không cho tiền thì anh T lại đánh đập và đập phá đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Nông Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2011 và Nông Kim H, sinh ngày 30/10/2015, hiện nay các cháu đang ở với anh Nông Văn T và mẹ chồng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Kim H, sinh ngày 30/10/2015 đến khi đủ 18 tuổi; anh Nông Văn T có trách nhiệm nuôi cháu Nông Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2011 đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có

Về phía bị đơn, anh Nông Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban Công an xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tại gia đình anh Nông Văn T, bà Dương Thị T1 là mẹ đẻ của anh Nông Văn T cư trú tại thôn Á, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều khẳng định anh Nông Văn T vẫn cư trú cùng gia đình tại thôn Á, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã giao tận tay và thông báo cho anh Nông Văn T, anh Nông Văn T có biết việc chị Nguyễn Thị U hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Nông Văn T không đến Tòa án mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nông Văn T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị U có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Nguyễn Thị U đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ

thẩm. Bị đơn anh Nông Văn T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U. Về con chung: Giao con chung cháu Nông Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2011 cho anh Nông Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung cháu Nông Kim H, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn Á, xã C, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn anh Nông Văn T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nông Văn T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Nông Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 07/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Nông Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Nông Văn T không tu chí làm ăn, sa vào con đường nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Nông Văn T thấy rằng: Anh Nông Văn T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị U có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị U yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn T là phù hợp với quy định tại

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu về con chung của chị Nguyễn Thị U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Do đó cần giao con chung là cháu Nông Kim H, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nông Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2011 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, đó cũng là nguyện vọng của cháu Nông Thị Ngọc Á; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nông Văn T và chị Nguyễn Thị U đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị U trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị U đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05790 ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Nông Văn T

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Kim H, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nông Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2011 cho anh

Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nông Văn T và chị Nguyễn Thị U đều có quyền, nghĩa vụ thăm các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị U đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05790 ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nông Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện Bắc Sơn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Ngọc